

Tri thức bản địa của người Cơ Tu về sử dụng cây cỏ ở khu vực Tây Giang, thành phố Đà Nẵng

Lưu Đàm Ngọc Anh¹, Bùi Văn Hướn^{1,2}, Trịnh Xuân Thành³, Nguyễn Thị Kim Thanh⁴, Hoàng Thùy Linh⁴

¹Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

³Viện Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

⁴Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 334 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 29/7/2025; ngày chuyển phản biện 11/8/2025; ngày nhận phản biện 30/9/2025; ngày chấp nhận đăng 13/10/2025

Tóm tắt:

Người Cơ Tu là tộc người cư trú lâu đời ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Kết quả nghiên cứu về tri thức sử dụng cây cỏ của người Cơ Tu tại khu vực Tây Giang (tỉnh Quảng Nam cũ nay là thành phố Đà Nẵng) đã ghi nhận 176 loài thực vật bậc cao có mạch được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau: cây thuốc 112 loài (63,63%); rau, quả ăn được 56 loài (31,81%); cây dùng làm men rượu và ngâm rượu 20 loài (chiếm 11,36%); cây đan lát (thủ công mỹ nghệ, gói bánh) 15 loài (chiếm 8,52%); cây cho gỗ làm nhà, sàn nhà 11 loài (6,25%); cây độc 3 loài (chiếm 1,7%); cây dùng để nhuộm 2 loài (1,13%); vật liệu làm đàn 2 loài (1,13%); cây dùng trong nghi lễ tâm linh và mục đích khác 8 loài (4,54%). Nghiên cứu cũng ghi nhận sự đa dạng về bộ phận sử dụng, trong đó lá được sử dụng nhiều nhất (31,81%), tiếp đến là củ và rễ (29,54%); ít được sử dụng nhất là nhựa và hạt (3,41%).

Từ khóa: người Cơ Tu, sử dụng cây cỏ, Tây Giang, tri thức bản địa.

Chỉ số phân loại: 1.6, 3.4, 4.4

Indigenous knowledge of plant use among the Co Tu people in the Tay Giang area, Da Nang city

Dam Ngoc Anh Luu^{1*}, Van Huong Bui^{1,2}, Xuan Thanh Trinh³, Thi Kim Thanh Nguyen⁴, Thuy Linh Hoang⁴

¹Vietnam National Museum of Nature, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi, Vietnam

²Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi, Vietnam

³Institute of Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi, Vietnam

⁴Faculty of Biology, University of Science, Vietnam National University, Hanoi, 334 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi, Vietnam

Received 29 July 2025; revised 30 September 2025; accepted 13 October 2025

Abstract:

The Co Tu people are an ethnic group that has long resided in the Truong Son - Tay Nguyen region and belong to the Mon-Khmer language group. Research results on plant-use knowledge of the Co Tu people in Tay Giang area (formerly Quang Nam province, now Da Nang city) have recorded 176 species of vascular plants used for various purposes: 112 medicinal plants (63.63%); 56 edible vegetables and fruits (31.81%); 20 species used for fermentation starters and alcohol maceration (11.36%); 15 species used for weaving (handicrafts and food wrapping) (8.52%); 11 timber species for house and floor construction (6.25%); 3 poisonous species (1.7%); 2 dye plants (1.13%); 2 species used as materials for making musical instruments (1.13%); and 8 species used for spiritual and other purposes (4.54%). The study also recorded the diversity of plant parts used, in which leaves were the most frequently utilised (31.81%), followed by tubers and roots (29.54%), while resin and seeds were the least used (3.41%).

Keywords: Co Tu ethnic group, indigenous knowledge, plant utilisation, Tay Giang area.

Classification numbers: 1.6, 3.4, 4.4

*Tác giả liên hệ: Email: ngocanh@vnmn.vast.vn

1. Đặt vấn đề

Tri thức bản địa hay tri thức địa phương là nền tảng cơ bản cho việc thiết lập các quyết định liên quan đến địa phương trên mọi lĩnh vực của cuộc sống đương đại, bao gồm quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dinh dưỡng, thực phẩm, y tế, giáo dục và trong các hoạt động xã hội. Tri thức bản địa còn cung cấp chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra cho cộng đồng dân cư địa phương [1].

Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm sử dụng tài nguyên sinh vật ở nước ta được triển khai muộn hơn so với thế giới và thực sự được quan tâm trong khoảng 30 năm gần đây. Mặc dù có thời gian chưa dài nhưng các nghiên cứu về tri thức bản địa ở Việt Nam đã thu được nhiều kết quả khả quan, nhiều nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế góp phần phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Người Cơ Tu là tộc người cư trú lâu đời ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Dựa vào những kiến trúc điêu khắc, nền văn hóa và nhân học có thể đoán định rằng người Cơ Tu đã được hình thành và phát triển với trình độ cao. Hiện nay, người Cơ Tu chỉ sinh sống tại Việt Nam và Lào với dân số trên 100.000 người. Tại Việt Nam, cộng đồng người Cơ Tu chiếm trên 74.000 và sinh sống chủ yếu tại hai tỉnh Quảng Nam (Nam Giang, Đông Giang và Tây Giang) và Thừa Thiên Huế (Nam Đông, A Lưới) hiện nay là thành phố Đà Nẵng (xã Nam Giang, xã Đông Giang và xã Tây Giang) và thành phố Huế (xã Phú Lộc và xã Phong Điền) [2]. Người Cơ Tu sinh sống phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, sinh kế chủ yếu bằng trồng lúa rẫy với mức độ canh tác đơn sơ, chăn nuôi, hái lượm, săn bắn và đánh bắt cá. Đặc biệt, nghề đan lát và dệt thổ cẩm của họ khá phát triển và tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo có thể tạo sinh kế. Trước áp lực của hiện đại, công nghiệp hóa, diện tích rừng tự nhiên suy giảm nhanh chóng đã đẩy các tri thức của đồng bào trong sử dụng cây cỏ phục vụ các nhu cầu cuộc sống ngày càng xói mòn và có nguy cơ mất đi vĩnh viễn. Do đó, việc điều tra nghiên cứu tri thức bản địa đặc biệt là tri thức về việc sử dụng cây cỏ của người Cơ Tu có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, góp phần nhận diện bản sắc dân tộc, mà còn góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng

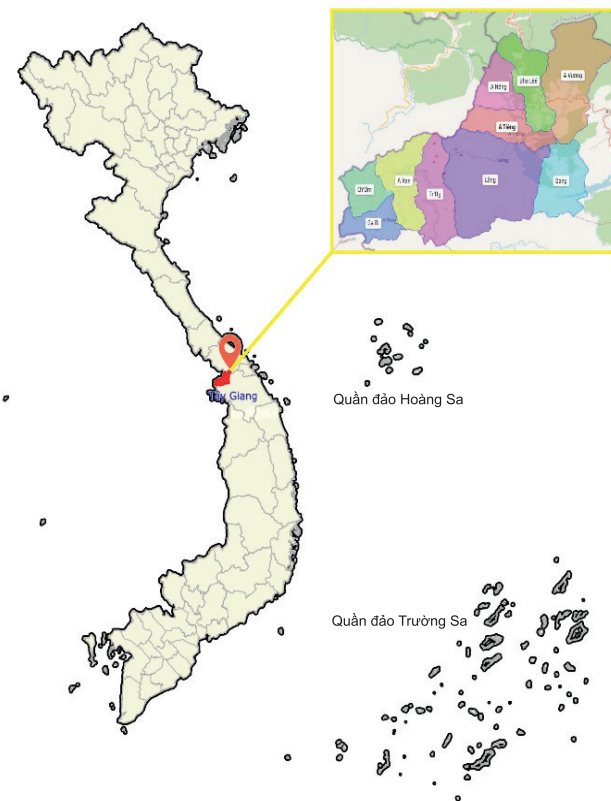
Các loài thực vật bậc cao có mạch có ích được đồng bào Cơ Tu sử dụng (trong chăm sóc sức khỏe, dệt, nhuộm vải, đan lát...) trên địa bàn khu vực Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là xã Tây Giang, thành phố Đà Nẵng (hình 1).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu thực vật

Điều tra thực địa: Từ tháng 12/2023 tới tháng 3/2025 tại khu vực nghiên cứu.

Thu mẫu ngoài thực địa: Công tác thu thập mẫu vật ngoài thực địa được thực hiện theo đúng quy trình và nguyên tắc của nghiên cứu thực vật học truyền thống, bảo đảm ghi chép đầy đủ các thông tin cần thiết trên nhãn mẫu (etiket) và trong sổ điều tra [3].



Hình 1. Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu (khu vực Tây Giang, thành phố Đà Nẵng).

Tên khoa học của các loài cây cỏ được xác định theo phương pháp hình thái so sánh với sự hỗ trợ từ các chuyên gia phân loại học thực vật và được kiểm tra, chỉnh lý thống nhất theo “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” [4] và Dữ liệu Tropicos của Vườn Thực vật Missouri [5]. Sau đó, tiến hành lập danh lục các loài thực vật bậc cao có mạch được đồng bào Cơ Tu sử dụng. Các mẫu vật được lưu trữ tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.

2.2.2. Phương pháp điều tra cộng đồng

Nghiên cứu thực hiện điều tra theo hướng người dân địa phương đi thực địa cùng đoàn nghiên cứu để thu thập mẫu vật, kết hợp phỏng vấn, thảo luận nhóm cùng người dân thôn bản [4-6], trong đó lựa chọn hai nhóm đối tượng:

(i) Các già làng, trưởng bản, người hành nghề thuốc và những người chuyên đi rừng thu hái lâm sản.

(ii) Đồng bào sinh sống trong khu vực nghiên cứu.

Các thông tin, dữ liệu thu thập được xử lý theo phương pháp thống kê để tăng độ tin cậy.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Sự đa dạng trong các bậc taxon

Kết quả điều tra cây cỏ có ích của người Cơ Tu tại khu vực Tây Giang đã ghi nhận 176 loài, 141 chi, 67 họ thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch, gồm: thạch tùng (Lycopodiophyta), dương xỉ (Pteridophyta), thông (Pinophyta), ngọc lan (Magnoliophyta) (bảng 1).

Bảng 1. Cấu trúc thành phần loài theo bậc ngành.

Ngành	Họ	Chi	Loài
Tên Việt Nam	Tên khoa học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thạch tùng	Lycopodiophyta	2	2,98
Dương xỉ	Pteridophyta	3	4,47
Thông	Pinophyta	1	1,49
Ngọc lan	Magnoliophyta	61	91,04
Tổng		67	100

3.2. Kinh nghiệm, tri thức sử dụng thực vật của người Cơ Tu tại khu vực Tây Giang

Kinh nghiệm sử dụng các bộ phận thực vật: Đối với các loài cây thuốc, khả năng chữa bệnh phụ thuộc vào hoạt tính của những hoạt chất có trong cây mà sự phân bố của chúng khác nhau ở từng bộ phận của cây cũng như khác biệt trong cách sử dụng. Với các loài được sử dụng làm thực phẩm như rau, gia vị,... thường dùng lá, ngọn, cả thân hay quả. Đối với xây dựng, đan lát thủ công mỹ nghệ các bộ phận sử dụng chủ yếu là thân, thân gỗ, vỏ cây. Đa số các loài chỉ dùng 1 bộ phận; để trị bệnh, bộ phận đó sẽ kết hợp với các vị thuốc khác. Có loài dùng được nhiều bộ phận với nhiều mục đích khác nhau (đa tác dụng) như ăn lá, quả hay lá làm rau ăn, còn củ đem ngâm rượu,... Kết quả phân tích sự đa dạng về các bộ phận của cây cỏ được người Cơ Tu sử dụng trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ các bộ phận của cây cỏ được người Cơ Tu sử dụng.

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Lá	56	31,81
2	Củ, rễ (vỏ rễ)	52	29,54
3	Cành, thân (vỏ cây, vỏ/nõn thân)	51	29,0
4	Cả cây	32	18,18
5	Quả	24	13,63
6	Khác (hạt, nhựa, ngọn,...)	6	3,41

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sử dụng lá là cao nhất với 56 loài (31,81%). Trong đó, lá có thể được già đắp trực tiếp như: Ráng dừa đông (*Blechnopsis orientalis*) để chữa mụn nhọt, Đồng tiền (*Caesalpinia hymenocarpa*); lá cây Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*) nấu nước tắm chữa ghẻ hoặc được băm nhỏ dùng tươi hoặc phơi khô nấu nước uống như Tử châu có cuống hoa (*Callicarpa pedunculata*)... Củ, rễ được dùng thấp hơn với 52 loài, chiếm 29,54%, làm gia vị hoặc già nát lấy nước uống chữa đầy hơi hoặc già nát đắp trị rắn cắn như Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla*) hoặc Sả chanh (*Cymbopogon citratus*) dùng xông hơi cho trẻ hay khóc đêm, giật mình. Tiếp theo, 51 loài (chiếm 29%) được người Cơ Tu sử dụng nhiều cách khác nhau như: Sữa

lá hẹp (*Alstonia angustifolia*) làm gỗ, đàn còn nhựa mủ dùng làm thuốc chữa hắc lao; lõi thân Đùng đình (*Caryota mitis*) được dùng để ủ rượu hay vỏ thân Đậu ma núi (*Pueraria montana*) được lấy để đan lưới bắt cá, xỏ cườm...

Trong khi đó, 32 loài (chiếm 18,18%) tập trung ở nhóm thân thảo là toàn bộ cây được sử dụng như họ Cúc (Asteraceae), họ Cà phê (Rubiaceae), cây tươi nấu nước hoặc băm nhỏ phơi khô nấu nước dùng để giải nhiệt hoặc chữa bệnh đường ruột. Quả để ăn hoặc làm gia vị hoặc như quả Trôm thon (*Sterculia lanceolata*) được nướng ăn cho khỏe và trang trí cây nêu vào những dịp lễ hội; 2 loài quả dùng để chữa bệnh là Dừa bắc bộ (*Pandanus tonkinensis*) chữa bệnh thận và Rì poo (*Rhaphidophora* sp.) quả chữa ghẻ lở chốc đầu.

Chỉ có 6 loài (chiếm 3,41%) được người Cơ Tu sử dụng các bộ phận khác (hạt, nhựa hay ngọn cây...) như nhựa Ráy (*Alocasia* sp.) dùng chấm vào vết ong đốt; Nưa (*Amorphophallus* sp.) làm chất độc săn bắn; hạt Thu hải đường (*Begonia* spp.) chữa sốt rét và bổ sung vitamin; dùng ngọn có Móng ngựa nam bộ (*Angiopteris cochinchinensis*), Mào gà trắng (*Celosia argentea*), Đon buốt (*Bidens pilosa*) và Rau tàu bay (*Crassocephalum crepidioides*).

Lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất, cho thấy người Cơ Tu có những đóng góp trong việc bảo tồn bền vững nguồn tài nguyên thực vật do hình thức khai thác này vẫn duy trì và đảm bảo sự sinh trưởng, phát triển của cây, trong khi khai thác gốc, rễ hay củ có nguy cơ gây suy giảm số lượng cá thể trong quần thể nói riêng, đa dạng sinh học nói chung. Do vậy, việc nghiên cứu các hoạt tính sinh học trong các bộ phận khác của cây thay thế cho rễ, củ như cành, lá sẽ giúp sử dụng và bảo vệ các loài cây cỏ có ích một cách bền vững.

Mục đích sử dụng: Trong số 176 loài cây có ích được ghi nhận tại khu vực Tây Giang, nhóm cây thuốc chiếm một tỷ lệ cao nhất với 112 loài (63,63%); tiếp đến là nhóm cây cỏ được sử dụng làm thức ăn (rau, quả, uống) với 56 loài (31,81%); nhóm cây làm men rượu, ngâm rượu với 20 loài (11,36%) và lấy sợi làm hàng thủ công mỹ nghệ với 15 loài (8,52%) (bảng 3).

Bảng 3. Đa dạng về mục đích sử dụng thực vật theo kinh nghiệm của người Cơ Tu tại Tây Giang.

STT	Mục đích sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc	112	63,63
2	Rau, quả, uống (ăn uống được)	56	31,81
3	Cây men rượu, ngâm rượu	20	11,36
4	Đan lát (thủ công mỹ nghệ, gói bánh)	15	8,52
5	Cây cho gỗ làm nhà, sàn nhà	11	6,25
6	Cây độc	3	1,7
7	Cây dùng để nhuộm	2	1,13
8	Vật liệu làm đàn	2	1,13
9	Tâm linh và mục đích khác	8	4,54

*Một loài có thể có nhiều mục đích sử dụng.

* Nhóm cây dùng làm rau ăn và quả ăn

Kinh nghiệm sử dụng rau quả rừng của người Cơ Tu khá phong phú với 56 loài được dùng làm rau ăn và gia vị. Đặc biệt, một số loài rau rừng chỉ có người Cơ Tu biết sử dụng làm rau xanh trong bữa ăn hằng ngày như: Chân chim (*Schefflera heptaphylla*), Cỏ cút lợn (*Ageratum conyzoides*), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*), Rau dừa nước (*Ludwigia adscendens*), Vòng nem (*Erythrina variegata*)... Trong số 16 loài cây cho quả ăn thì 10 loài có thể vừa sử dụng làm thuốc vừa dùng để ăn như: Ươi bay (*Scaphium macropodum*), Dâu tằm (*Morus alba* L.), Mâm xôi (*Rubus alceaefolius*), Chuối rừng (*Musa acuminata*), Lạc tiên (*Passiflora foetida* L.)...

* Nhóm cây dùng để đan lát, làm nhạc cụ, tạc tượng

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận 15 loài thực vật được sử dụng để đan lát, làm đồ thủ công mỹ nghệ, các vật dụng trong gia đình hoặc thương mại hoá. Trong đó, song mây (chi *Calamus* thuộc họ *Arecaceae*) có số loài phong phú, đa dạng và mỗi loài được sử dụng cho các mục đích khác nhau, ví dụ lá mây rút dùng để lợp nhà Gươl có thể tồn tại được 20-25 năm; thân mây rút dùng để đan gùi và vật dùng trong gia đình bền và đẹp; thân cây mây nước, mây tắt dèo, bền nên được dùng làm hàng thủ công mỹ nghệ... Đáng lưu ý, trong số 15 loài cho lấy sợi để đan lát có một số loài còn được dùng làm thuốc như: Gai (*Boehmeria nivea* (L.)), Mây nước (*Flagellaria indica* L.), Mây guột (*Dicranopteris linearis* Underw.), Mây hèo (*Daemonorops mollispinus*), v.v...

Kỹ thuật đan lát của người Cơ Tu rất tinh xảo, đặc biệt là các dụng cụ cho nông nghiệp như gùi đeo, sàng... Để tạo ra 1 sản phẩm, họ dùng từ 5 đến 6 loài thực vật khác nhau để cấu thành các bộ phận, gùi của nam và nữ được làm riêng biệt. Gùi của nam thường có 3 ngăn, gùi của nữ có 1 ngăn mô tả hình dáng uyển chuyển của người phụ nữ, được cách điệu và tạo hình khá chi tiết.

3.3. So sánh tri thức sử dụng cây thuốc với các dân tộc khác

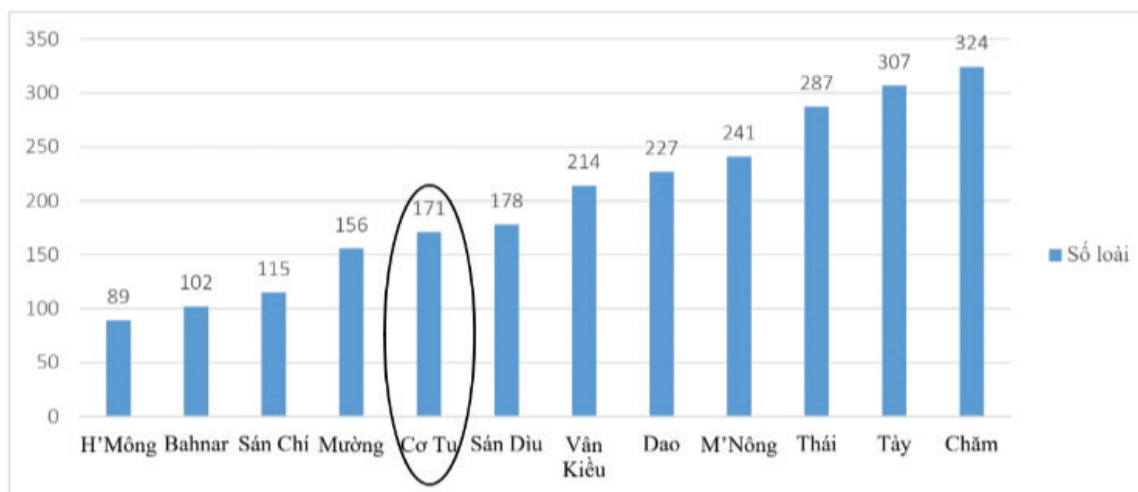
Nghiên cứu của H.H. Anh và cs (2015) [6] cung cấp một số thông tin chủ yếu về cây thuốc của người Cơ Tu được khái quát hóa theo số liệu thống kê về cách dùng, bộ phận dùng, các nhóm bệnh được sử dụng. Tính đa dạng cây thuốc người Cơ Tu được giải thích bởi khu vực sinh sống là các khu vực vùng sâu, vùng xa, ở rừng núi giáp biên giới Việt - Lào. Người dân Cơ Tu có tập quán sống dựa vào rừng. Theo các yếu tố tâm linh và tín ngưỡng truyền thống, người Cơ Tu có ý thức bảo vệ rừng và hệ sinh thái trong khu vực sinh sống. So với các dân tộc thiểu số khác, số cây thuốc được tìm thấy trong danh mục còn khá khiêm tốn và nằm ở nhóm trung bình so với các dân tộc khác. Hình 2 ghi nhận số loài cây thuốc của người Cơ Tu là 171 loài [6].

Nghiên cứu của D.N. Huyen và cs (2022) [7] về người Cơ Tu tại hai xã Axan và Tr'Hy, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tây Giang, thành phố Đà Nẵng) có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc phong phú do tập

quán sinh sống dựa vào tài nguyên rừng, xác định 59 loài, 54 chi, 41 họ thuộc 3 ngành thực vật có mạch Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta được người dân tộc Cơ Tu sử dụng làm thuốc chữa bệnh. Rễ và củ là bộ phận được sử dụng phổ biến nhất của đồng bào dân tộc thiểu số Cơ Tu.

Hai nghiên cứu tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế vào năm 2007, 2013 tại 2 huyện khác nhau với số lượng loài thu được khá chênh lệch (huyện Nam Đông thu được 150 loài cây thuốc thuộc 67 họ, huyện Phú Lộc thu được 249 loài thuộc 82 họ) nhưng kết quả thu được lại tương đồng sâu sắc về kiến thức bản địa của người Cơ Tu [8, 9]. Cụ thể, cả 2 nghiên cứu đều ghi nhận dạng sống phổ biến của cây thuốc thuộc thân thảo, bộ phận sử dụng phổ biến là cành, lá; cách dùng chủ yếu là sắc hoặc dùng tươi; đa phần cây thuốc được sử dụng chữa các bệnh về tiêu hóa, ngoài da, hệ vận động. Cây thuốc ở 2 khu vực nghiên cứu đều thuộc 4 họ chủ yếu là: họ Cà phê, họ Thầu dầu, họ Cúc, họ Đậu. Nghiên cứu về tri thức sử dụng cây thuốc tại miền Trung của H.H. Anh và cs (2015) [6] cũng có kết quả tương tự.

Hai nghiên cứu tại Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng) [7, 10] ghi nhận số loài cây thuốc ít hơn so với tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) (nghiên cứu tại xã Bhalee ghi nhận 83 loài, 81 chi; nghiên cứu tại xã Axan, Tr'Hy ghi nhận 59 loài, 51 họ). Bộ phận sử dụng chủ yếu là rễ, củ. Nhóm bệnh phổ biến tại Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng) đa dạng hơn so với Thừa



Hình 2. Số loài cây thuốc của người Cơ Tu so sánh với một số dân tộc thiểu số khác [6].

Thiên Huế (nay là thành phố Huế), bao gồm những nhóm bệnh mới như ung thư, bệnh phụ nữ, hệ tuần hoàn, v.v... Về bảo tồn, có nhiều loài thuộc Sách Đỏ và có nguy cơ tuyệt chủng như cốt toái bổ, đẳng sâm...

4. Kết luận

Nghiên cứu ghi nhận kết quả cập nhật về tri thức bản địa sử dụng cây cỏ của đồng bào Cơ Tu tại khu vực Tây Giang với 176 loài thực vật, sử dụng phục vụ các mục đích khác nhau: Thuốc 112 loài (63,63%); Rau, quả, ăn uống được 56 loài (31,81%); Cây men rượu, ngâm rượu 20 loài (11,36%); Cây đan lát (thủ công mỹ nghệ, gói bánh) 15 loài (8,52%); Cây cho gỗ làm nhà, sàn nhà 11 loài (6,25%); Cây độc 3 loài (1,7%); Cây dùng để nhuộm 2 loài (1,13%); Vật liệu làm đàn 2 loài (1,13%); Tâm linh và mục đích khác 8 loài (4,54%).

Nghiên cứu cũng ghi nhận sự đa dạng về bộ phận sử dụng, trong đó được sử dụng nhiều nhất là: lá (31,81%), củ rễ (29,54%); cành, thân (29%); cả cây (18,18%); quả (13,63%); thấp nhất là nhựa và hạt... (3,41%).

Nhận thấy, các nghiên cứu gần đây dần quan tâm đến vấn đề bảo tồn cây thuốc, gìn giữ nét độc đáo trong tri thức bản địa của người Cơ Tu, đây là nét độc đáo và giá trị riêng có của cộng đồng, cần được bảo tồn và phát triển dưới áp lực của biến đổi khí hậu và hiện đại hóa. Vì vậy, cần phải tiến hành nhiều công việc khẩn trương xây dựng các vườn dược liệu, nhân giống loài bằng phương pháp kỹ thuật (giâm cành, *in vitro*...), nghiên cứu các hợp chất có hoạt tính tương tự ở các bộ phận khác của cây.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF) với mã số tài trợ: VINIF09.2023.DA07. Trân trọng cảm ơn đồng bào và người dân tại huyện Tây Giang, Quảng Nam (trước sáp nhập) đã tham gia cung cấp thông tin và hỗ trợ dự án trong thời gian điều tra tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNESCO (2003), "Local and indigenous knowledge systems", <https://www.unesco.org/en/links>, accessed 20 July 2025.
- [2] T.T. Vinh (2009), *Co Tu Ethnic Group in Vietnam*, Vietnam News Agency Publishing House, Hanoi, 163pp (in Vietnamese).
- [3] N.N. Thín (1997), *Manual on Research of Biodiversity*, Agricultural Publishing House, Hanoi, pp.5-18 (in Vietnamese).
- [4] N.T. Ban (2003), *List of Vietnamese Plant Species*, Agricultural Publishing House, Hanoi, 422pp (in Vietnamese).
- [5] Tropicos (2025), <https://www.tropicos.org/home>, accessed 15 July 2025.
- [6] H.H. Anh, D.T. Ha, N.V. Vinh (2017), "Medicinal plant diversity and use of Katu people in central of Vietnam: A Review", *Duy Tan University, Journal of Science and Technology*, **4(23)**, pp.86-92, DOI: 10.5281/zenodo.8347723.
- [7] D.N. Huyen, V.D. Duy, L.X. Dac, et al. (2022), "Indigenous knowledge of the Co Tu ethnic group for medicinal plants used in the Tay Giang district (Axan and Tr'hy commune), Quang Nam province, Vietnam", *Journal of Forestry Science and Technology*, **14**, pp.122-128, DOI: 10.55250/jo.vnuf.2022.14.122-128.
- [8] N.T. P. Thao, N.K. Ban, L. Regalado, et al. (2007), "Investigation of indigenous knowledge of plant uses among the Co Tu ethnic minority group in Nam Dong district, Thua Thien Hue province", *Proceedings of The 2nd National Scientific Conference on Ecology and Biological Resources*, pp.105-109 (in Vietnamese).
- [9] N.K. Ban, V.H. Giang, T.M. Linh, et al. (2013), "Traditional knowledge of medicinal plants collected from the Co Tu and Van Kieu ethnic communities in the buffer zone of Bach Ma national park", *Proceeding of The 5th National Scientific Conference on Ecology and Biological Resources*, pp.950-956 (in Vietnamese).
- [10] D.T. Ha, D.H. Duc, N.T. Hau, et al. (2020), "Investigating medicinal plant resources through the indigenous knowledge of the C'tu ethnic minority in Bhalee commune, Tay Giang district, Quang Nam province", *DTU Journal of Science and Technology*, **7(38)**, pp.24-30.